

MỘT SỐ KHÁC BIỆT VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI GIỮA HAI CỘNG ĐỒNG CHĂM BÀNI VÀ CHĂM ISLAM Ở VIỆT NAM

ThS. Lê Trần Quyên
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Tuy cùng một tộc người và theo một tôn giáo là Islam, nhưng người Chăm Bàni và người Chăm Islam ở Việt Nam lại có sự khác biệt nhất định trong nhận thức và thực hành tôn giáo cũng như nhiều khía cạnh khác của đời sống văn hóa, xã hội. Trong khi người Chăm Bàni đã cải biến Islam cho phù hợp với đời sống tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của dân tộc thì người Chăm Islam đi theo chiều hướng Islam chính thống, thực hiện đúng giáo lý, giáo luật của đạo Islam trên thế giới. Bài viết này góp phần làm rõ những khác biệt thể hiện trong quan niệm, thực hành tôn giáo, tập tục hôn nhân, vai trò của phụ nữ trong gia đình, cộng đồng cũng như mối quan hệ giữa người Chăm Bàni và người Chăm Islam với cộng đồng Islam ở bên ngoài Việt Nam.

Từ khóa: Dân tộc Chăm, tôn giáo, Islam, Chăm Bàni, Chăm Islam.

Ngày nhận bài: 29/8/2019; ngày gửi phản biện: 7/10/2019; ngày duyệt đăng: 4/12/2019

Mở đầu

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở tháng 4/2009, trên toàn quốc có 161.729 người Chăm. Hiện nay, cộng đồng Chăm Islam có khoảng 27.257 người, cư trú chủ yếu ở An Giang, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước...; còn người Chăm Bàni có khoảng 40.789 người, phần lớn sinh sống ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, trong đó Ninh Thuận có 22.133 người và Bình Thuận có 18.676 người (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2010, tr. 86).

Do đặc điểm cư trú và bản sắc văn hóa mang tính địa phương, người Chăm ở Việt Nam chia làm 3 nhóm: Chăm Hroi (theo tín ngưỡng cổ truyền), Chăm Panduranga (ảnh hưởng của Ấn Độ giáo và Hồi giáo đã bị bản địa hóa), Chăm Nam Bộ (ảnh hưởng Hồi giáo chính thống). Sự phân hóa thành 3 nhóm đã chứng tỏ cộng đồng Chăm luôn gắn bó chặt chẽ với đặc trưng tôn giáo, tín ngưỡng. Theo đó, bản sắc dân tộc cũng được biểu hiện thông qua từng cộng đồng tôn giáo với những mức độ khác nhau (Nguyễn Thanh Vân, 2018). Qua bài viết này, tác giả muốn đề cập đến một số khác biệt giữa hai bộ phận Chăm Bàni và Chăm Islam trên lĩnh vực văn hóa, xã hội.

1. Sự khác biệt về quan niệm tín ngưỡng và thực hành tôn giáo

Khi nói về tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng Chăm, các nhà quản lý thường “nhìn nhận” Chăm Bàni và Chăm Islam. Điều đó hoàn toàn đúng do theo cùng một tôn giáo nhưng được gọi là “Hồi giáo cũ” và “Hồi giáo mới”, với sự khác biệt về quan niệm, cách thực hành tôn giáo.

Đạo Bàni là kết quả “sự hỗn dung giữa Hồi giáo nguyên thủy với nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian”. Khác với người Chăm Islam, trong tâm thức tôn giáo của người Chăm Bàni, những tập tục, lễ nghi của Islam gốc đã bị phai nhạt bởi nhiều lý do, trong đó phải kể đến sự tác động của tín ngưỡng truyền thống dân tộc Chăm và Bàlamôn giáo - một tôn giáo có hệ thống giáo lý, giáo luật khác biệt với Islam nhưng đã ăn sâu vào đời sống tâm linh của người Chăm. Như vậy, Chăm Bàni là một tôn giáo đặc thù mang đậm tín ngưỡng bản địa (Lê Nhâm, 2004, tr. 115). Người Chăm Bàni bị ảnh hưởng đạo Bàlamôn rất nhiều, nhưng gốc xuất phát điểm vẫn là Ấn Độ giáo, từ đây chia ra nhiều nhánh khi giao thoa các nền văn hóa và tôn giáo khác. Chăm Bàni thờ xen lẫn các vị thần dân gian, ông bà tổ tiên; còn Chăm Islam chỉ tôn thờ Thượng Đế (Đức Thánh Allah). Khác với người Chăm Islam ở Nam Bộ, người Chăm Bàni ở Ninh Thuận và Bình Thuận tin vào Allah như một đấng tối cao nhưng không phải duy nhất. Họ vẫn tôn thờ các vị thần truyền thống như thần mưa, thần núi, thần biển; đồng thời thực hiện các nghi lễ nông nghiệp theo tín ngưỡng dân gian như cầu thần Mẹ Xứ Sở (Rija Nugar), cầu thần mưa (Yor Yang), cầu thần Sóng Biển (Plao Pasah), lễ chặn nước đầu nguồn (Kap Hlâu Krong),... Người Chăm Bàni cầu nguyện 3 lần/ngày; không nhịn ăn ban ngày vào tháng Ramurwan mà chỉ có giáo sĩ nhịn ăn ba ngày đầu tháng. Họ cũng không hành hương tới thánh địa La Mecque (Mecca). Tính bản địa trong tôn giáo của người Chăm Bàni ở nước ta xuất phát và gìn giữ bởi nền tảng văn hoá truyền thống Champa cổ (Nguyễn Thanh Vân, 2018). Người Chăm Bàni ở Ninh Thuận, Bình Thuận sống xen kẽ với người Chăm Islam nhưng sinh hoạt tôn giáo trong thánh đường riêng. Tín đồ Chăm Bàni không cần hiểu về giáo lý và giáo luật của Hồi giáo, đôi khi họ đồng hóa Mohamed với thần Mẹ Xứ Sở của họ và coi đó là những vị thần sinh ra dân tộc Chăm. Người Chăm Bàni vừa tin vào Thánh Allah vừa tin vào các vị thần dân tộc như Pô Nugar, Po Klong Garai, Pô Rômê..., và đặc biệt là biết ơn ông bà, tổ tiên dòng họ. Họ duy trì các tập tục cổ truyền của dân tộc, thực hiện nghi lễ tôn giáo theo cách riêng của mình. Các tu sĩ chức sắc Chăm Bàni sống cách biệt với tín đồ, do họ được coi như “tầng lớp trên”, “bề trên”.

Trong khi đó, Chăm Islam do tiếp xúc khá thường xuyên với người theo Islam ở Malaysia, Indonesia và một số cộng đồng Islam ở quốc gia khác, nên sinh hoạt tôn giáo của bộ phận này khá thống nhất với người Islam ở Malaysia và nhiều nước. Islam ngày càng xâm nhập vào nền văn hóa Chăm, thể hiện trong việc tôn thờ Auluah (Allah) và các thánh khác của Islam (Phú Văn Hãn, 2014, tr. 59). Người Chăm Islam luôn gắn kết và liên kết tộc người với tôn giáo. Đặc điểm nổi bật nhất chính là lối sống hình thành từ việc thực hiện đức tin và thực hành đầy đủ các bổn phận của tín đồ được quy định trong giáo luật cơ bản của

Islam giáo. Người Chăm Islam ở Ninh Thuận tin vào thánh Allah, hàng ngày cầu nguyện theo kinh Côran, thường hiểu lối sống Hồi giáo theo kinh Sunna và Hadith, họ ít quan tâm đến các tập tục cổ truyền của dân tộc Chăm nhưng lại tuân thủ chặt chẽ những quy định, các điều kiêng kỵ trong giáo luật Islam, hàng ngũ chức sắc tu sĩ không có sự cách biệt hẳn với các tín đồ.

Về thực hành tôn giáo, do cùng nguồn gốc nên cộng đồng Chăm Bani và cộng đồng Chăm Islam có nhiều nét giống nhau về phong tục và giáo lý cơ bản của đạo Islam. Song, việc sinh hoạt tôn giáo của hai cộng đồng này rất khác nhau. Trong khi những người Chăm Islam tuân thủ tuyệt đối đức tin vào Thánh Allah và 5 điều cơ bản của giáo luật Islam, thì người Chăm Bani lại tôn thờ không chỉ Thánh Allah mà cả các thần dân gian và ông bà tổ tiên. Họ còn tuân thủ những tín ngưỡng và thực hành các nghi lễ dân gian như người Chăm Balamôn.

Cộng đồng Chăm Bani do vừa dành niềm tin cho Thượng đế Allah và đáng tiên tri Mohammed như người Chăm Islam vừa có đức tin cho nhiều thần linh khác, nên phần lớn tín đồ Bani không cần học thuộc kinh sách, không đọc kinh cầu nguyện, không quan tâm đến lễ thứ 6 hàng tuần, không thực hiện tháng nhịn chay Ramadan như người Chăm Islam mà chuyển thành lễ hội mang bản sắc dân tộc - lễ hội Ramurwan. Người Chăm Bani cũng bỏ thí nhưng bằng “lễ đôi gạo”, thể hiện một hình thức bỏ thí phù hợp với tập quán lâu đời của người Chăm xưa, xuất phát từ nền văn minh lúa nước. Trong khi, người Chăm Islam không thực hành nghi lễ này, họ tổ chức buổi lễ ăn tập thể tại những thánh đường lớn, ở đó có sự tài trợ, hỗ trợ của cộng đồng Hồi giáo thế giới. Giữa người Chăm Bani và Chăm Islam ở Ninh Thuận, tháng nhịn chay ở Ramadan cũng khác nhau. Tháng lễ Ramurwan của người Chăm Bani là quan trọng nhất đối với sinh hoạt tôn giáo của họ nhưng chỉ là một phần trong quy trình lễ hội kéo dài gần hết năm. Riêng người Chăm Islam, khi đã hết tháng Ramadan là hết mùa lễ trọng (Phạm Thị Thuận, 2004, tr. 50). Người Chăm Islam luôn giữ gìn nghiêm ngặt giáo lý, giáo luật Islam thể hiện ở việc thực hiện nghiêm chỉnh 5 cốt đạo của Islam. Hàng năm, họ có nhiều ngày lễ chính thức như: Kỷ niệm ngày sinh của giáo chủ Mohammed, Ngày giáo chủ Mohammed đến thánh địa Mecca, Thánh lễ ngày thứ 6 hàng tuần, Lễ trong tháng nhịn chay Ramadan, Lễ hành hương, Lễ đón năm mới theo Hồi lịch,... Nhưng quan trọng nhất vẫn là Lễ trong tháng chay Ramadan và mùa lễ hành hương. Vào tháng chay Ramadan, những người Muslim (tín đồ Islam ngoan đạo) thực hành nghiêm chỉnh trên tinh thần tự nguyện tự giác rất cao với lòng thành kính đến đáng Tội cao tuyệt đối.

Theo luật Hồi giáo truyền thống, tín đồ phải đọc kinh cầu nguyện mỗi ngày 5 lần, nhưng đối với tín đồ Bani ở Ninh Thuận và Bình Thuận lại không biết kinh sách, không coi trọng việc đọc kinh Côran hàng ngày. Theo họ đó là nhiệm vụ của các tu sĩ và các chức sắc, những người đại diện cho tín đồ trước Thánh Allah. Song, các vị tu sĩ cũng chỉ “đi kinh” (đọc kinh cầu nguyện) đầy đủ 5 lần mỗi ngày trong tháng Ramurwan và những dịp lễ hội khác trong quy trình lễ hội Ramurwan hàng năm của người Chăm Bani mà thôi. Hàng năm, vào tháng Ramadan (tháng 9 theo Hồi lịch), người Chăm Bani cũng nhịn ăn song cách thức

thể hiện lễ của họ rất khác so với đạo Islam. Tháng Ramadan của Hồi giáo chính thống được người Chăm Bani gọi là tháng Ramurwan tức “Tháng ép xác”, tùy từng nơi mà họ có thể tổ chức lễ này vào cuối tháng 8 hoặc đầu tháng 9 theo Hồi lịch (Nguyễn Phú Lợi, 2004, tr. 64). Riêng người Chăm Islam, tuy cùng nhóm Chăm Balamôn truyền thống nhưng khi tiếp nhận đạo Islam, họ hoàn toàn từ bỏ tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống của dân tộc mình để thực hành đức tin Islam chính thống như một Muslim. Giáo lý, giáo luật tôn giáo được quy định cụ thể trong kinh Côran (Qur'an) đã chi phối hoàn toàn xã hội người Chăm Islam. Mọi hành vi ứng xử, sinh hoạt trong đời sống người Chăm Islam đều phải tuân thủ theo giáo luật của Islam. Ngoài Thượng đế Allah, người Chăm Islam không tôn thờ bất kỳ vị thần linh nào, kể cả tổ tiên.

2. Sự khác biệt trong tập tục hôn nhân

Theo phong tục Hồi giáo, đàn ông có quyền lấy 4 vợ nhưng đàn bà chỉ được lấy một chồng. Người đàn bà ngoại tình sẽ bị đem ra nơi công cộng để mọi người ném đá đến chết. Một quy định khác của Hồi giáo cũng được các tín đồ tuân thủ nghiêm ngặt, đó là thực hành nghi lễ hôn nhân. Tuy nhiên, trong xã hội truyền thống cũng như hiện tại ở nước ta, vấn đề hôn nhân và gia đình của người Chăm Islam và Chăm Bani đã có nhiều cải biến để phù hợp với truyền thống dân tộc và luật pháp Việt Nam, kể cả biến đổi trong thực hành các giáo lý Hồi giáo khắt khe.

Trước đây mọi tín đồ thường tuân thủ nguyên tắc hôn nhân đồng tôn giáo, nhưng gần đây người Chăm Bani ở Bình Thuận đã có những cuộc hôn nhân không cùng tôn giáo, được cộng đồng và các chức sắc chấp thuận. Những cuộc hôn nhân như thế, người ngoại đạo không phải cải sang đạo Hồi nhưng phải đáp ứng 3 điều kiện: (1) Phải biết tiếng và chữ Chăm cổ truyền; (2) Phải chịu lễ Katat (đàn ông) hoặc lễ Karoh (phụ nữ) và tuân thủ đầy đủ các nghi lễ Hồi giáo Bani; (3) Không thực hiện nguyên tắc chôn ở nghĩa địa của dòng họ mà phải chôn riêng. Do tuân thủ nguyên tắc quan hệ giới và quan hệ xã hội chôn riêng, bộ phận Chăm Bani ở Bình Thuận đã có những cuộc hôn nhân không cùng tôn giáo, được cộng đồng và các chức sắc xác định khi ra ở riêng thì phụ nữ chỉ được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản so với đàn ông, giá trị phụ nữ trước giáo luật chỉ bằng $\frac{1}{2}$ so với đàn ông, không được ngoại tình,... Ngoài ra, phụ nữ Chăm theo Hồi giáo ở Việt Nam, kể cả những người Chăm Islam ở Nam Bộ được coi là những người Chăm Hồi giáo chính thống cũng không bị những quy định quá ngặt nghèo chi phối như phụ nữ ở các quốc gia Hồi giáo khác.

Trong nghi lễ, do ảnh hưởng của tôn giáo nên lễ cưới của người Chăm Bani và Chăm Islam có sự khác biệt. Trước đây, lễ cưới của người Chăm Bani khá rườm rà, nhưng ngày nay họ đã làm giản tiện rất nhiều. Trước khi cưới chính thức một ngày, gia đình nhà trai phải làm lễ đưa con của mình ra khỏi nhà “để đi nuôi người khác”. Sau khi ăn uống xong ở nhà trai, họ hàng của ông mai dẫn chàng trai về nhà gái. Đến nhà gái, ông mai nhà trai bàn giao chú rể cho ông mai nhà gái, ông mai nhà gái dắt cô dâu chú rể vào phòng cưới và trải chiếu cho đôi tân hôn, sau đó thấp đèn rồi lấy trầu cau làm phép và đọc lời cầu nguyện cho đôi trai gái.

Ngày hôm sau, lễ thành hôn được chính thức tiến hành. Thầy Cả giả vờ đến thăm và bắt gặp đôi trai gái chung sống trái phép. Đôi trai gái phải xin tha tội và gia đình phải làm lễ phạt để ăn uống linh đình. Tiếp đến, đôi trẻ phải ở trong phòng the ba ngày nhưng không được quan hệ tình dục. Qua ba ngày đó, nhà gái làm phép và đôi uyên ương chính thức là vợ chồng. Sau ngày cưới, đôi vợ chồng trẻ phải đem bánh trái về chào gia đình nhà chồng.

Hôn lễ của người Chăm Islam có nhiều khác biệt so với hôn lễ của người Chăm Bàni. Do bị ràng buộc bởi giáo luật Islam nên vị trí của người phụ nữ ít được coi trọng, tiếp xúc giữa nam và nữ bị hạn chế,... Theo các tư liệu trước đây cho biết, người phụ nữ Chăm Islam ở nước ta không được tự quyết định việc hôn nhân của mình, mà chủ yếu do sự định đoạt của bố mẹ. Theo ý kiến của nhà nghiên cứu Trần Thị Kim Oanh, vai trò của phụ nữ theo đạo Islam ở nước ngoài có rất nhiều quyền lợi, nhất là trong hôn nhân, nhưng người Chăm Islam ở Việt Nam thì vai trò của người phụ nữ rất hạn chế, đặc biệt trong hôn nhân.

3. Sự khác biệt về vai trò của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng

Một đặc điểm khác biệt giữa hai bộ phận người Chăm Islam và Chăm Bàni được thể hiện rõ nét ở vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Theo đó, phụ nữ Chăm Islam phải chịu nhiều sự ràng buộc nghiêm ngặt trong các quan hệ gia đình và xã hội cũng như trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo. Ngược lại, phụ nữ Chăm Bàni được bình đẳng, khuyến khích vươn lên khẳng định vị trí của mình trong xã hội như tham gia hoạt động trong các lĩnh vực y tế, giáo dục,... Đồng thời, họ còn có nhiều ưu thế hơn so với nam giới do ảnh hưởng của chế độ mẫu hệ đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào.

Trong gia đình người Chăm Bàni trước đây, nguyên tắc hôn nhân đồng tôn giáo được tuân thủ. Do ảnh hưởng của chế độ mẫu hệ, phụ nữ Chăm Bàni không chỉ giữ vai trò chủ đạo trong quản lý kinh tế và điều phối các hoạt động của gia đình, mà còn có vai trò trụ cột đối với đời sống tâm linh và tinh thần nói chung. Hơn nữa, phụ nữ Chăm Bàni còn là người buôn bán rất giỏi, tích cực tham gia làm công nhân, ca sĩ, giáo viên, giảng kinh Qur'an ở thánh đường và tại nhà riêng. Họ không phải cặm cung, được học hành và giao tiếp rộng rãi, không phải mang mạng che mặt, mặc áo dài tay hay có người lớn đi kèm khi ra đường như phụ nữ ở các quốc gia Hồi giáo khác. Những quy định của giáo lý Hồi giáo trong cộng đồng Chăm Bàni ở Việt Nam đã bị bản địa hóa, có hướng mở cho phụ nữ trong quan hệ gia đình và công tác xã hội.

Ngược lại, vai trò phụ nữ Chăm Islam chưa được đề cao, họ không tham gia vào những buổi hành lễ, chỉ đàn ông mới được đến hành lễ tại các thánh đường, phụ nữ Chăm Islam chỉ ở nhà cầu nguyện. Ở thành phố, phụ nữ Chăm Islam khi ra ngoài vẫn phải mặc quần áo dài, lấy khăn che kín đầu; chỉ khi ở trong nhà mới có thể bỏ khăn che đầu. Họ vẫn quan niệm rằng khi ra ngoài phố nếu không đội khăn che đầu là có tội, quy định này khắt khe hơn so với những người phụ nữ Chăm Islam sống ở nông thôn (Tư liệu điền dã năm 2018 tại An Giang của tác giả).

Trước đây, xã hội Chăm truyền thống xây dựng trên cơ sở mẫu hệ, địa vị và vai trò của phụ nữ Chăm luôn được đề cao dù trong thực tế nam giới phải đảm đương mọi công việc nặng nề tạo ra của cải vật chất cho gia đình. Khi Hồi giáo được truyền vào, tổ chức gia đình và xã hội Chăm đã có ít nhiều biến đổi. Cụ thể là người Chăm Islam ở An Giang đã từng bước chuyển dần từ gia đình mẫu quyền sang gia đình phụ quyền, làm cho quan hệ thân tộc không tính theo dòng huyết thống bên mẹ mà tính theo dòng huyết thống cha con. Tập tục Hồi giáo đã củng cố địa vị của nam giới trong gia đình, trong xã hội chỉ có họ mới được dự lễ ở thánh đường và đến những chốn linh thiêng. Vị trí trước đây mà người phụ nữ Chăm đảm đương được thay bằng vị trí và trách nhiệm trụ cột của người nam giới. Tuy nhiên, người phụ nữ Chăm ở An Giang không phụ thuộc hoàn toàn vào các nguyên tắc Hồi giáo, họ vẫn giữ tay hòm chìa khóa, quản lý và trông coi tài sản của gia đình, nuôi dạy con cái. Các vấn đề lớn như công việc làm ăn, cưới gả con cái, dựng nhà..., người phụ nữ Islam vẫn có quyền tham gia ý kiến, thậm chí còn có quyết định cuối cùng. Trong nhiều gia đình người Chăm Islam ở xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang hiện nay, phụ nữ còn có điều kiện tham gia các hoạt động xã hội, công tác đoàn thể.

Qua khảo sát thực tế của tác giả năm 2018 còn cho thấy, xã hội người Chăm Islam ở An Giang đang có những chuyển biến tích cực. Đồng bào đã có những nhận thức mới về quan niệm con trai và con gái đều có vai trò như nhau, để tạo điều kiện cho phụ nữ Chăm tham gia nhiều hơn trong công tác xã hội, giao tiếp cộng đồng. Tuy số lượng phụ nữ chủ động tham gia công tác xã hội ở địa phương chưa nhiều, nhưng đã thể hiện được nét tích cực trong suy nghĩ của người Chăm nơi đây khi cho rằng, người phụ nữ không chỉ chăm lo cho gia đình mà còn có khả năng tham gia phong trào văn nghệ, làm cán bộ y tế, công tác đoàn thể ở các xóm, ấp. Tuy vậy, vai trò của người đàn ông trong gia đình vẫn được đề cao, họ có quyền quyết định mọi hoạt động trong nhà cũng như bên ngoài xã hội, nhưng không vì thế người phụ nữ Chăm Islam lệ thuộc hoàn toàn vào người đàn ông. Người phụ nữ Chăm Islam cũng tỏ ra không kém người chồng trong việc quán xuyến gia đình, chăm lo đời sống kinh tế. Hiện nay, những công việc chung của gia đình người Chăm đều ít nhiều có sự bàn bạc thống nhất giữa vợ và chồng. Có lẽ do còn e dè trong giao tiếp, nên phụ nữ Chăm Islam chưa mạnh dạn tham gia nhiều vào hoạt động xã hội, học hành nâng cao kiến thức.

4. Môi quan hệ của Chăm Bani và Chăm Islam với thế giới Islam

Kết quả khảo sát tại Ninh Thuận và Bình Thuận vào tháng 10/2018 cho thấy, người Chăm Bani hầu như không có mối liên hệ với Hồi giáo quốc tế cũng như đối với cộng đồng Chăm Islam ở Tây Nam Bộ. Họ không hành hương về thánh địa Mecca nên không có mối quan hệ mở rộng như người Chăm Islam. Trong khi, những cuộc hôn nhân giữa người Chăm Islam với các tín đồ Islam bên ngoài cộng đồng đã khiến dân số cộng đồng Chăm Islam tăng lên. Hơn nữa, người Chăm Islam ở Việt Nam còn liên hệ chặt chẽ với cộng đồng Islam tại Malaysia và chịu ảnh hưởng qua giao lưu văn hóa, nhất là về ngôn ngữ, trang phục, ẩm thực,... Những người Chăm Islam ở Việt Nam đa số thuộc dòng Sunny, do ít bị pha trộn với

tập quán và tín ngưỡng cũ, nên thường xuyên liên hệ với thế giới Hồi giáo ở Malaysia và Campuchia. Họ thường tìm sang Malaysia tu học giáo lý và tiếp nhận tư tưởng Islam qua diễn dịch của Islam Mã Lai.

Cộng đồng người Chăm Islam ở Tây Nam Bộ hiện nay vẫn có mối quan hệ gần gũi với cộng đồng Hồi giáo Đông Nam Á và thường xuyên thực hiện hành hương về thánh địa Mecca. Qua quá trình tiếp xúc giao lưu, trong cộng đồng Chăm Islam nơi đây đã xuất hiện một nhóm tín đồ đạo Islam mới. Nguồn gốc và sự hỗ trợ của nhóm Islam này chủ yếu là từ bên ngoài. Từ kết quả khảo sát cho thấy, số người gốc Malaysia sống trong vùng Chăm Islam ở An Giang tuy không đông, nhưng ảnh hưởng của họ tới cộng đồng người Chăm ở đây là khá rõ nét. Cụ thể, kinh Qur'an được đọc bằng tiếng Ả rập nhưng lại bình giảng bằng tiếng Malayu; các chức sắc, các thầy dạy kinh sách phần lớn là người gốc Malaysia; các ấn phẩm cơ bản nhất cũng được đưa từ Malaysia sang Việt Nam. Khoảng mười năm trở lại đây, khi có trào lưu muốn canh tân đạo Islam cũng bắt đầu xuất phát từ Malaysia, nên thường xuyên được cộng đồng Islam ở Malaysia tiếp sức bằng tiền bạc để xây dựng và tu sửa thánh đường, cung cấp tài liệu và đào tạo chức sắc.

Một số người Chăm sống ở nước ngoài tăng cường quan hệ với đồng bào Chăm và các vị chức sắc tôn giáo, quyên tiền gửi về trong nước xây dựng thánh đường mới. Một số người Chăm ở nước ngoài đã cải đạo theo Tin Lành và Công giáo do được tài trợ giúp sức của những cá nhân và tổ chức tôn giáo nước ngoài nên đã ra sức lôi kéo người Chăm ở Ninh Thuận tiến hành cải đạo. Cùng với đó là sự truyền đạo ráo riết của các giáo hội Công giáo, Tin Lành trong nước. Tình trạng này đã bước đầu phá vỡ sự cố kết cộng đồng Chăm Bàni, dẫn đến mâu thuẫn nội bộ tôn giáo người Chăm, xảy ra sự tranh giành ảnh hưởng tôn giáo, chia rẽ cục bộ địa phương. Do vậy, việc thống nhất nội bộ các tôn giáo là vấn đề bức thiết đặt ra cho các tôn giáo cũng như cho chính quyền địa phương trong công tác quản lý tôn giáo hiện nay.

Kết luận

Người Chăm Bàni và Chăm Islam đều thờ phụng Thánh Allah, đều chung giáo lý và giáo luật Islam, nhưng giữa họ có sự khác biệt căn bản về các yếu tố văn hóa, xã hội. Những người Chăm Islam luôn tuân thủ tuyệt đối đức tin vào Thánh Allah và 5 điều cơ bản của giáo luật, nhất là toàn bộ thiết chế văn hóa và xã hội của họ đều bị cấu trúc tôn giáo Islam chi phối. Trong khi những người Chăm Bàni lại tôn thờ không chỉ Allah mà cả các thánh thần dân gian và ông bà tổ tiên..., nên vẫn duy trì được thiết chế văn hóa, xã hội truyền thống, thậm chí Balamôn giáo vẫn chiếm ưu thế và đóng vai trò chủ đạo khi thực hành các nghi lễ dân gian.

Qua sự khác biệt văn hóa, xã hội ở hai cộng đồng Chăm Bàni và Chăm Islam cho thấy quá trình giao lưu và tiếp biến của tôn giáo mới (Islam) và tôn giáo bản địa (Balamôn) ở tộc người Chăm. Việc hai cộng đồng này sử dụng hôn nhân để ngăn chặn sự xâm nhập của tôn giáo ngoại lai hay để phát triển và mở rộng cộng đồng tôn giáo của mình đã thể hiện rõ

những chiến lược ứng xử của mỗi cộng đồng. Trong khi, các mối liên hệ với cộng đồng Islam bên ngoài cộng đồng Chăm cũng cho thấy sự khác biệt về quan niệm, cách nhìn nhận của mỗi cộng đồng về tín ngưỡng tôn giáo của mình trong sự phát triển và kết nối với thế giới bên ngoài.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Dung (2009), *Thực trạng đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa của cộng đồng người Chăm ở An Giang từ sau 1975 đến nay*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh.
2. Lê Nhâm (2004), “Về cộng đồng Hồi giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 2, tr. 113-122.
3. Nguyễn Phú Lợi (2004), “Đạo Bàni (Hồi giáo cũ) trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận”, trong: *Vấn đề tôn giáo của người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận - Thực trạng và chính sách*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ, Trung tâm Khoa học về Tín ngưỡng và Tôn giáo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Phú Văn Hãn (2001), “Cộng đồng Islam Việt Nam - sự hình thành, hòa nhập, giao lưu và phát triển”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 1, tr. 45-50.
5. Bá Trung Phụ (2005), “Cộng đồng người Chăm Islam giáo ở Việt Nam với đời sống xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 2, tr. 39-41.
6. Nguyễn Thị Thu Thủy (2010), “Tôn giáo và quá trình tộc người của cộng đồng người Chăm Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 3, tr. 82-87.
7. Phạm Thị Thuận (2004), “Đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở đồng bào Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận”, trong: *Vấn đề tôn giáo của người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận - Thực trạng và chính sách*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ, Trung tâm Khoa học về Tín ngưỡng và Tôn giáo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Thanh Vân (2018), “Người Chăm và Hồi giáo ở Việt Nam”, *Redsvn.net*.